

Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

1.1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội

Khái niệm tồn tại xã hội dùng để chỉ phương diện sinh hoạt vật chất và các điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội.

Các yếu tố cơ bản tạo thành tồn tại xã hội bao gồm: phương thức sản xuất vật chất, các yếu tố thuộc về điều kiện tự nhiên - hoàn cảnh địa lý và dân cư. Các yếu tố đó tồn tại trong mối quan hệ thống nhất biện chứng, tác động lẫn nhau tạo thành điều kiện sinh tồn và phát triển của xã hội, trong đó phương thức sản xuất vật chất là yếu tố cơ bản nhất.

Khái niệm ý thức xã hội dùng để chỉ phương diện sinh hoạt tinh thần của xã hội, nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định.

Giữa ý thức xã hội và ý thức cá nhân có sự thống nhất biện chứng nhưng không đồng nhất mối quan hệ giữa ý thức xã hội và ý thức cá nhân thuộc mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng.

Lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội có cấu trúc hết sức phức tạp. Có thể tiếp cận kết cấu của ý thức xã hội từ những phương diện khác nhau.

Theo nội dung và lĩnh vực phản ánh đời sống xã hội, ý thức xã hội bao gồm các hình thái khác nhau: ý thức chính trị, ý thức pháp quyền, ý thức đạo đức, ý thức tôn giáo, ý thức thẩm mỹ, ý thức khoa học...

Theo trình độ phản ánh của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội có thể phân biệt ý thức xã hội thông thường và ý thức lý luận. Ý thức xã hội thông thường là toàn bộ những tri thức, những quan niệm... của những con người trong một cộng đồng người nhất định, được hình thành trực tiếp từ hoạt động thực tiễn hằng ngày, chưa được hệ thống hóa, khái quát hóa thành lý luận. Ý thức lý luận là những tư tưởng, quan điểm đã được hệ thống hóa, khái quát hóa thành các học thuyết xã hội, được trình bày dưới dạng những khái niệm, phạm trù, quy luật. Ý thức lý luận khoa học có khả năng phản ánh hiện thực khách quan một cách khái quát, sâu sắc và chính xác, vạch ra các mối liên hệ bản chất của các sự vật và hiện tượng. Ý thức lý luận đạt trình độ cao và mang tính hệ thống, tạo thành các hệ tư tưởng.

Cũng có thể phân tích ý thức xã hội theo hai trình độ và hai phương thức phản ánh đối với tồn tại xã hội, đó là tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội. Tâm lý xã hội là toàn bộ đời sống tình cảm, tâm trạng, khát vọng, ý chí,... của những cộng đồng người nhất định; là sự phản ánh trực tiếp và tự

phát đối với hoàn cảnh sống của họ. Hệ tư tưởng xã hội là toàn bộ các hệ thống quan niệm, quan điểm xã hội như: chính trị, triết học, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo...; là sự phản ánh gián tiếp và tự giác đối với tồn tại xã hội. Tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội là hai trình độ, hai phương thức phản ánh khác nhau của ý thức xã hội đối với cùng một tồn tại xã hội, chúng có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau, tuy nhiên, không phải tâm lý xã hội tự nó sản sinh ra hệ tư tưởng xã hội.

Trong xã hội có giai cấp, ý thức xã hội cũng có tính giai cấp, phản ánh điều kiện sinh hoạt vật chất và lợi ích khác nhau, đối lập nhau giữa các giai cấp. Mỗi giai cấp đều có đời sống sinh hoạt tính thần đặc thù của nó nhưng hệ tư tưởng thống trị xã hội bao giờ cũng là hệ tư tưởng của giai cấp thống trị xã hội, nó có ảnh hưởng đến ý thức của các giai cấp trong đời sống xã hội. Theo quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen, "Giai cấp nào chi phối những tư liệu sản xuất vật chất thì cũng chi phối luôn cả những tư liệu sản xuất tinh thần, thành thử nói chung tư tưởng của những người không có tư liệu sản xuất tinh thần cũng đồng thời bị giai cấp thống trị đó chi phối.

1.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

Một trong những công lao to lớn của C Mác và Ph. Ăngghen là đã phát triển chủ nghĩa duy vật đến đỉnh cao, xây dựng quan điểm duy vật về lịch sử, giải quyết một cách khoa học vấn đề sự hình thành và phát triển của ý thức xã hội. Các ông đã chứng minh rằng, đời sống tinh thần của xã hội hình thành và phát triển trên cơ sở của đời sống vật chất; rằng không thể tìm nguồn gốc của tư tưởng, tâm lý xã hội trong bản thân nó, nghĩa là không thể tìm trong đầu óc con người mà phải tìm trong hiện thực vật chất. Sự biến đổi của một thời đại nào đó sẽ không thể giải thích được chính xác đến nguyên nhân cuối cùng của nó nếu chỉ căn cứ vào ý thức của thời đại ấy. Theo C. Mác, "... không thể nhận định về một thời đại đảo lộn như thế căn cứ vào ý thức của thời đại đó. Trái lại, phải giải thích ý thức ấy bằng những mâu thuẫn của đời sống vật chất, bằng sự xung đột hiện có giữa các lực lượng sản xuất xã hội và những quan hệ sản xuất xã hội"

Quan điểm trên đây đối lập với quan điểm của chủ nghĩa duy tâm về xã hội, tức đối lập với quan điểm đi tìm nguồn gốc của ý thức tư tưởng trong bản thân ý thức tư tưởng, coi đó là nguồn gốc của mọi hiện tượng xã hội, quyết định sự phát triển xã hội và trình bày lịch sử các hình thái ý thức xã hội tách rời cơ sở kinh tế - xã hội. Ngược lại, theo quan điểm duy vật lịch sử thì tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội; ý thức xã hội là sự phản ánh đối với tồn tại xã hội và phụ thuộc vào tồn tại xã hội; mỗi khi tồn tại xã hội (nhất là phương thức sản xuất) biến đổi thì những tư tưởng và lý luận xã hội, những quan điểm về chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, văn hóa, nghệ thuật, v.v. tất yếu sẽ biến đổi theo. Cho nên, ở những thời kỳ lịch sử khác nhau nếu chúng ta thấy có những lý luận, quan điểm, tư tưởng xã hội khác nhau thì đó là do những điều kiện khác nhau của đời sống vật chất quyết định.

Quan điểm duy vật lịch sử về nguồn gốc của ý thức xã hội không phải dừng lại ở chỗ xác định sự phụ thuộc của ý thức xã hội vào tồn tại xã hội, mà còn chỉ ra rằng, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội không phải một cách giản đơn trực tiếp mà thường thông qua các khâu trung gian. Không phải bất cứ tư tưởng, quan niệm, lý luận hình thái ý thức xã hội nào cũng phản ánh rõ

ràng và trực tiếp những quan hệ kinh tế của thời đại, mà chỉ khi nào xét đến cùng thì chúng ta mới thấy rõ những mối quan hệ kinh tế được phản ánh bằng cách này hay cách khác trong các tư tưởng ấy.

2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

Quan điểm duy vật biện chứng về xã hội không chỉ khẳng định tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội, mà còn làm sáng tỏ những nội dung của tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.

* Thứ nhất, ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội.

Theo nguyên lý, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội thì khi tồn tại xã hội biến đổi sẽ tất yếu dẫn tới những sự biến đổi của ý thức xã hội (ý thức xã hội cũ mất đi và làm nảy sinh ý thức xã hội mới). Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp, sự biến đổi của tồn tại xã hội đều ngay lập tức dẫn đến sự biến đổi của ý thức xã hội; trái lại, nhiều yếu tố của ý thức xã hội (trong đời sống tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội) có thể còn tồn tại rất lâu dài ngay cả khi cơ sở tồn tại xã hội sản sinh ra nó đã được thay đổi căn bản, mặt khác không phải mọi yếu tố của ý thức xã hội mới đều ngay lập tức nảy sinh trên cơ sở tồn tại xã hội mới. Sở dĩ như vậy là vì: Một là, do bản chất của ý thức xã hội chỉ là sự phản ánh của tồn tại xã hội cho nên nói chung ý thức xã hội chỉ có thể biến đổi sau khi có sự biến đổi của tồn tại xã hội. Mặt khác, sự biến đổi của tồn tại xã hội do sự tác động mạnh mẽ, thường xuyên và trực tiếp của hoạt động thực tiễn, diễn ra với tốc độ nhanh mà ý thức không thể phản ánh kịp. Hai là, do sức mạnh của thói quen, truyền thống, tập quán cũng như do tính lạc hậu, bảo thủ của một số hình thái ý thức xã hội. Ba là, ý thức xã hội luôn gắn với lợi ích của những nhóm, những tập đoàn người, những giai cấp nhất định trong xã hội. Vì vậy, những tư tưởng cũ, lạc hậu thường được các lực lượng xã hội phản tiến bộ lưu giữ và truyền bá nhằm chống lại các lực lượng xã hội tiến bộ.

* Thứ hai, ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội.

Khi khẳng định tính thường lạc hậu hơn của ý thức xã hội so với tồn tại xã hội, chủ nghĩa duy vật lịch sử đồng thời thừa nhận rằng, trong những điều kiện nhất định, tư tưởng của con người, đặc biệt những tư tưởng khoa học tiên tiến có thể vượt trước sự phát triển của tồn tại xã hội, dự báo được tương lai và có tác dụng tổ chức, chỉ đạo hoạt động thực tiễn của con người, hướng hoạt động đó vào việc giải quyết những nhiệm vụ mới do sự phát triển chín muồi của đời sống vật chất của xã hội đặt ra. Tuy nhiên, suy đến cùng, khả năng phản ánh vượt trước ý thức xã hội vẫn phụ thuộc vào tồn tại xã hội.

* Thứ ba, ý thức xã hội có tính kế thừa trong sự phát triển của nó.

Lịch sử phát triển đời sống tinh thần của xã hội cho thấy rằng, những quan điểm lý luận của mỗi thời đại không xuất hiện trên mảnh đất trống không mà được tạo ra trên cơ sở kế thừa những tài liệu lý luận của các thời đại trước.

Do ý thức có tính kế thừa trong sự phát triển, nên không thể giải thích được một tư tưởng nào đó nếu chỉ dựa vào những quan hệ kinh tế hiện có, không chú ý đến các giai đoạn phát triển tư tưởng trước đó. Lịch sử phát triển của tư tưởng đã cho thấy những giai đoạn hưng thịnh hoặc suy tàn của triết học, văn học, nghệ thuật, v.v. nhiều khi không phù hợp hoàn toàn với những giai đoạn hưng thịnh hoặc suy tàn của kinh tế.

Trong xã hội có giai cấp, tính chất kế thừa của ý thức xã hội gắn với tính chất giai cấp của nó. Những giai cấp khác nhau kế thừa những nội dung ý thức khác nhau của các thời đại trước. Các giai cấp tiên tiến tiếp nhận những di sản tư tưởng tiến bộ của xã hội cũ để lại. V.I. Lênin nhấn mạnh rằng, văn hóa xã hội chủ nghĩa cần phải phát huy những thành tựu và truyền thống tốt đẹp nhất của nền văn hóa nhân loại từ cổ chí kim trên cơ sở thế giới quan mácxít. Người viết: "Văn hóa vô sản phải là sự phát triển hợp quy luật của tổng số những kiến thức mà loài người đã tích lũy được dưới ách thống trị của xã hội tư bản, xã hội của bọn địa chủ và xã hội của bọn quan liêu".

* Thứ tư, sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội trong sự phát triển của chúng.

Sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội là một nguyên nhân làm cho trong mỗi hình thái ý thức có những mặt, những tính chất không thể giải thích được một cách trực tiếp từ tồn tại xã hội.

Lịch sử phát triển của ý thức xã hội cho thấy, thông thường ở mỗi thời đại, tùy theo những hoàn cảnh lịch sử cụ thể có những hình thái ý thức nào đó nổi lên hàng đầu và tác động mạnh đến các hình thái ý thức khác, ở Hy Lạp thời cổ đại, triết học và nghệ thuật đã từng đóng vai trò đặc biệt quan trọng, ở Tây Âu thời trung cổ, tôn giáo đã có một ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt tinh thần của xã hội như: triết học, đạo đức, nghệ thuật, chính trị, pháp quyền. Các nước Tây Âu ở giai đoạn lịch sử sau này thì ý thức chính trị lại đóng vai trò to lớn, tác động mạnh mẽ đến các hình thái ý thức xã hội khác. Ở Pháp từ nửa sau thế kỷ XVIII và ở Đức cuối thế kỷ XIX, triết học và văn học là công cụ quan trọng nhất để tuyên truyền những tư tưởng chính trị, là vũ đài của cuộc đấu tranh chính trị của các lực lượng xã hội tiên tiến. Ngày nay, trong sự tác động lẫn nhau giữa các hình thái ý thức xã hội, ý thức chính trị thường có vai trò đặc biệt quan trọng. Ý thức chính trị của giai cấp cách mạng định hướng cho sự phát triển theo chiều hướng tiến bộ của các hình thái ý thức khác.

* Thứ năm, ý thức xã hội có khả năng tác động trở lại tồn tại xã hội.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử không những phê phán quan điểm duy tâm (tuyệt đối hóa vai trò của ý thức xã hội) mà còn bác bỏ quan điểm duy vật tầm thường hay "chủ nghĩa duy vật kinh tế" (tức quan điểm phủ nhận tác dụng tích cực của ý thức xã hội trong đời sống xã hội). Theo Ph.

Ăngghen, "Sự phát triển của chính trị, pháp luật, triết học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, v.v. đều dựa trên cơ sở sự phát triển kinh tế. Nhưng tất cả chúng cũng có ảnh hưởng lẫn nhau và ảnh hưởng đến cơ sở kinh tế. Mức độ ảnh hưởng của tư tưởng đối với sự phát triển xã hội phụ thuộc vào những điều kiện lịch sử cụ thể; vào tính chất của các mối quan hệ kinh tế mà trên đó tư tưởng nảy sinh; vào vai trò lịch sử của giai cấp mang ngọn cờ tư tưởng; vào mức độ phản ánh đúng đắn của tư tưởng đối với các nhu cầu phát triển xã hội; vào mức độ mở rộng của tư tưởng trong quần chúng, v.v.. Cũng do đó, ở đây cần phân biệt vai trò của ý thức tư tưởng tiên bộ và ý thức tư tưởng phản tiến bộ đối với sự phát triển xã hội.

Như vậy, nguyên lý của chủ nghĩa duy vật lịch sử về tính độc lập tương đối của ý thức xã hội đã chỉ ra bức tranh phức tạp trong lịch sử phát triển của ý thức xã hội và đời sống tinh thần xã hội nói chung. Nó bác bỏ mọi quan điểm siêu hình, máy móc, tầm thường về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội.

Quan điểm duy vật mácxít về vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội là một trong những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, một trong những cơ sở phương pháp luận căn bản của hoạt động nhận thức và thực tiễn. Theo đó, một mặt, việc nhận thức các hiện tượng của đời sống tinh thần xã hội cần phải căn cứ vào tồn tại xã hội đã làm nảy sinh ra nó, mặt khác cũng cần phải giải thích các hiện tượng đó từ những phương diện khác nhau thuộc nội dung tính độc lập tương đối của chúng. Do vậy, trong thực tiễn cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới cần phải được tiến hành đồng thời trên cả hai mặt tồn tại xã hội và ý thức xã hội, trong đó việc thay đổi tồn tại xã hội cũ là điều kiện cơ bản nhất để thay đổi ý thức xã hội cũ. Đồng thời, cũng cần thấy rằng không chỉ những biến đổi trong tồn tại xã hội mới tất yếu dẫn đến những thay đổi. to lớn trong đời sống tinh thần của xã hội mà ngược lại, những tác động của đời sống tinh thần xã hội, với những điều kiện xác định cũng có thể tạo ra những biến đổi mạnh mẽ, sâu sắc trong tồn tại xã hội.